

ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ

A/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS: Cảm nhận được qua bài văn một trong những phẩm chất cao đẹp của Bác Hồ là đức tính giản dị: giản dị trong lối sống, trong quan hệ với mọi người, trong việc làm và lời nói, bài viết.

Nhận ra và hiểu được nghệ thuật nghị luận của tác giả trong bài, đặc biệt là cách nêu dẫn chứng cụ thể, toàn diện, rõ ràng, kết hợp với giải thích, bình luận ngắn gọn mà sâu sắc.

Nhớ và thuộc được một số câu văn hay, tiêu biểu trong bài.

B/ NỘI DUNG BÀI HỌC:

I. ĐỌC HIỂU CHÚ THÍCH:

1. Tác giả:

Phạm Văn Đồng (1906-2000)

Quê: Quảng Ngãi

Tham gia cách mạng từ năm 1925, là Thủ Tướng Chính Phủ trên ba mươi năm.

Là học trò và người cộng sự gần gũi với Bác.

Ông có nhiều bài viết về Bác, về danh nhân văn hoá dân tộc.

2. Tác phẩm:

Thể loại: Văn nghị luận.

Xuất xứ: SGK/54

II. TÌM HIỂU VĂN BẢN:

1. Luận điểm: “Đức tính giản dị của Bác”

*** Nhận định: “Sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất ... khiêm tốn của Hồ Chủ Tịch”

2. Chứng minh những biểu hiện về đức tính giản dị của Bác:

a/ Giản dị trong đời sống:

+ “Bữa cơm chỉ có vài ba món rất đơn giản,... thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất”

→ Quý trọng thành quả lao động.

+ “Cái nhà sàn của Bác vắn vện chỉ có vài ba phòng ... luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phản phát hương thơm của hoa vườn.

→ Yêu thiên nhiên

→ Dẫn chứng chọn lọc, tiêu biểu, giản dị, gần gũi với đời thường.

b/ Giản dị trong quan hệ với mọi người:

+ Viết thư cho một đồng chí

+ Nói chuyện với các cháu miền Nam

+ Đi thăm nhà tập thể của công nhân từ nơi làm việc đến phòng ngủ, nhà ăn.

+ Việc gì Bác tự làm được thì không cần người giúp.

+ Đặt tên cho người phục vụ : “Trường, Kì, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi”

→ Quan tâm đến mọi người.

c/ Giản dị trong lối nói và viết:

“Không có gì quý hơn độc lập tự do”

“Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi”

→ Ngắn gọn chứa những chân lí sâu sắc.

III. TỔNG KẾT:

1. Nghệ thuật:

Kết hợp chứng minh, giải thích, bình luận, biểu cảm.

Dẫn chứng tiêu biểu, liệt kê, chọn lọc, giản dị, gần gũi đời thường.

Bộc lộ cảm xúc

2. Nội dung:

Ghi nhớ SGK/55

IV. Luyện tập.

☺ Tìm một số ví dụ để chứng minh sự giản dị trong thơ văn của Bác?

→ Ăn khoẻ ngủ ngon làm việc khoẻ

Trần mà như thế kém gì tiên

(Sáu mươi tuổi)

Sáng ra bờ suối tối vào hang

... cuộc đời cách mạng thật là sang

(Tức cảnh Pác Bó)

Sống quen thanh đạm nhẹ người

Việc làm thảng rộng ngày dài ung dung

(Sáu mươi ba tuổi)

C/ BÀI TẬP:

Qua văn bản, em cảm nhận như thế nào về Bác? Em rút ra được bài học gì cho mình?

Tiết 94

CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG

A/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS: Nắm được khái niệm câu chủ động, câu bị động.

Nắm được mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.

động.

B/ NỘI DUNG BÀI HỌC:

I. CÂU CHỦ ĐỘNG VÀ CÂU BỊ ĐỘNG:

Ví dụ:

a/ Mọi người / yêu mến em.

CN

VN

→ Câu chủ động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện hành động hướng vào người hoặc vật khác (chủ thể hoạt động)

b/ Em / được mọi người yêu mến .

CN

VN

→ Câu bị động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động của người, vật khác thực hướng vào. (đối tượng hoạt động).

II. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG:

Ví dụ: đoạn trích SGK/57

→ Chọn câu (b)

→ Liên kết các câu trong đoạn văn, tránh lặp lại kiểu câu đã dùng trước đó.

→ Ghi nhớ SGK/58

III. LUYỆN TẬP:

Tim câu chủ động trong các đoạn trích SGK/58? Giải thích?

→ Có khi trung bày trong tủ kính, trong bình pha lê rõ ràng dễ thấy.

Tác giả “Mây vẫn thơ” liền được tôn làm đương thời đệ nhất thi sĩ.

→ Nhằm tránh lặp lại kiểu câu đã dùng trước đó, đồng thời tạo liên kết tốt hơn giữa các câu trong đoạn.

C/ BÀI TẬP:

Viết một đoạn văn ngắn (8 đến 10 câu) đề tài tự chọn trong đó có ít nhất một câu chủ động và một câu bị động.

Tiết 95 – 96

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5 – VĂN CHỨNG MINH

A/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS: Ôn tập về cách làm bài văn lập luận chứng minh, cũng như về các kiến thức Văn và Tiếng Việt có liên quan đến bài làm, để có thể vận dụng kiến thức đó vào việc tập làm một bài văn lập luận chứng minh cụ thể.

Có thể tự đánh giá chính xác hơn trình độ tập làm văn của bản thân để có phương pháp hướng phấn đấu phát huy ưu điểm và sửa chữa khuyết điểm.

B/ NỘI DUNG BÀI HỌC: HS tham khảo các đề sau, tập viết trước ở nhà chuẩn bị viết bài số 5 tại lớp.

Đề 1: Ít lâu nay, một số bạn trong lớp có phần lơ là học tập. Em hãy viết một bài văn để thuyết phục bạn: Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích!

Dàn ý

1. Mở bài: Học tập là niềm hạnh phúc, là nhiệm vụ của tuổi trẻ. Tuổi trẻ cần tập trung vào việc học để mai sau làm những việc có ích cho xã hội. Vì “Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích!”

2. Thân bài: Ông cha ta đã có câu ngạn ngữ: “Áu bất học lão hà vi” (trẻ không học già chẳng làm được gì).

+ Tuổi trẻ là lứa tuổi mà cha mẹ, người đời dành cho ta học tập (từ lớp mẫu giáo đến đại học, đủ các thứ ngành nghề để ta học)

+ Học tập lúc còn trẻ chính là rèn luyện tạo khả năng lao động, khả năng khai thác thiên nhiên sau này (nhận thức về thế giới tự nhiên, ứng xử trong xã hội)

+ Xã hội đã tổ chức việc học tập rất chu đáo (trường lớp, thầy cô, cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ)

+ Học tập hiện nay là tiếp nhận tri thức kỹ năng của xã hội. Vì vậy đây là nhiệm vụ của tuổi trẻ chúng ta. Mặc khác ông cha ta đã mất bao xương máu để dành cho ta được sống, được học hành. Ước vọng của Bác là: “Ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”

+ Học tập là niềm hạnh phúc của tuổi trẻ. Sống dưới ánh sáng tri thức, ta không thể chịu được nổi sống dốt nát, lạc hậu. Nhất là cuộc sống ta hiện nay đang tiến lên từng ngày từng giờ vào

khoa học kĩ thuật. Chỉ có học ta mới làm chủ được bản thân và làm được những việc có ích cho xã hội. Đất nước đang hội nhập rất cần những người trẻ tuổi có những kiến thức vững vàng để làm chủ đất nước.

3. Kết bài: Từ đó ta phải cố gắng học và phải biết rằng nếu còn trẻ ta không chịu học thì lớn lên chẳng làm được gì. Cuộc sống hiện nay không thể chấp nhận sự dốt nát vì ngày nay là cuộc sống khoa học kĩ thuật. Nên chúng ta cần phải học và “Học ! Học nữa! Học mãi”

Đề 2: Hãy chứng minh bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.

Dàn bài

1. Mở bài: Rừng rất quan trọng đối với đời sống con người.

Rừng là lá phổi xanh góp phần nuôi sống con người.

Vì thế bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của con người.

2. Thân bài:

(1) Rừng mang lại nguồn lợi kinh tế lớn lao, sản phẩm của rừng rất phong phú.

+ Sản phẩm thực vật: tre nứa, gỗ quý ở các rừng Việt Bắc, Tây Nguyên.

+ Sản phẩm động vật: dã thú, chim muông

+ Rừng giấu trong lòng nó nhiều khoáng sản.

(2) Rừng đem lại lợi ích cho môi trường sống. Rừng điều hoà thời tiết, khí hậu, thanh lọc không khí.

+ Rừng là lá phổi xanh chuyển đổi cacbonic thành oxi nuôi con người và động vật.

+ Rừng xanh điều hoà thời tiết khí hậu, chắn gió, giữ nước làm thay đổi nhiệt chống xói mòn đất, chống lũ lụt.

Ví dụ: Rừng ngập mặn Cần Giờ là lá phổi xanh của thành phố còn cung cấp củi đốt, là nơi du lịch sinh thái,...

+ Rừng là cơ sở nghiên cứu của nhiều ngành khoa học, nguồn cảm hứng sáng tạo về văn học nghệ thuật (Ví dụ: Bài ca Côn Sơn của Nguyễn Trãi, Cảnh khuya của Hồ Chí Minh,...).

Rừng là nơi tham quan du lịch.

+ Trong kháng chiến chống Pháp, Mĩ rừng là nơi ẩn náu che chở cuộc chiến đấu của quân đội (Tố Hữu đã viết : Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù)

(3) Con người cần phải bảo vệ rừng

+ Không khai thác bừa bãi, chống chặt phá rừng và sẽ gây hậu quả nghiêm trọng

+ Phải tiếp tục trồng rừng và bảo vệ rừng

+ Lên án và phạt nặng những kẻ phá rừng.

3. Kết bài: Rừng có vai trò rất quan trọng đối với con người và xã hội.

+ Có thái độ nghiêm khắc đối với việc chặt phá rừng bừa bãi.

+ Tích cực tham gia phong trào trồng cây gây rừng.